

# GIẢI PHÁP HỖ TRỢ CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC và công nghệ trong nghiên cứu và phát triển công nghệ phục vụ nông nghiệp

Ths. Đào Thị Hào

**S**au hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới kinh tế, nền kinh tế nước ta nói chung và nông nghiệp nói riêng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và toàn diện. Từ một nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, tự cấp tự túc, thiếu lương thực thóc đến nay về cơ bản đã là một nền nông nghiệp hàng hóa, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, có tỷ suất hàng hóa ngày càng cao, nhiều mặt hàng có số lượng xuất khẩu lớn, chiếm vị thế cao trong khu vực và trên thế giới, như gạo, cà phê, tiêu, điều..., đã hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến. Thu nhập và đời sống của đại bộ phận dân cư nông thôn được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ giàu ngày càng tăng, hộ nghèo ngày càng giảm.

Tuy nhiên, xét về tổng thể, năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, khả năng cạnh tranh của hàng nông sản còn thấp, đời sống nông dân tuy được cải thiện nhưng vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Về khoa học (KH) và công nghệ (CN). Để khắc phục những hạn chế trong việc thực hiện các giải pháp tác động vào các tổ chức KH và CN, tạo động lực cho các tổ chức này đầu tư nghiên cứu, sản xuất ra những sản phẩm KH và CN mới phục vụ nông nghiệp, cần tập trung vào các vấn đề sau:

**Thứ nhất, Nhà nước cần tăng cường đầu tư cho nghiên cứu cơ bản tạo cơ sở nền tảng cho nghiên cứu ứng dụng, nhất là nghiên cứu cơ bản trong sinh học.**



Đầu tư cho nghiên cứu KH phục vụ nông nghiệp những năm qua vẫn thiên về nghiên cứu ứng dụng, chưa quan tâm đầu tư đúng mức cho nghiên cứu cơ bản, nên nông nghiệp nước ta phải đối mặt với cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, năng lực cạnh tranh của nhiều loại nông sản Việt Nam thấp so với nông sản các nước trong khu vực, mà nguyên nhân chính là nông nghiệp Việt Nam chưa có sự đột

phá về KH và CN, nhất là ứng dụng CN sinh học hiện đại vào chọn lọc và nhân giống cây trồng, vật nuôi...

Vi vậy, để tạo cơ sở nền tảng cho nghiên cứu ứng dụng phục vụ nông nghiệp, Nhà nước cần có chiến lược đầu tư cho nghiên cứu cơ bản phù hợp với định hướng phát triển KH và CN trong nông nghiệp.

Ngoài đầu tư từ NSNN, cần tạo điều kiện cho các tổ chức KH và CN trong nông nghiệp tiếp cận với vốn từ quỹ phát triển KH và CN.

Hiện nay, Chính phủ đã cho phép thành lập Quỹ phát triển KH và CN quốc gia theo Nghị định số 122/2003/NĐ-CP ngày 23/10/2003. Quỹ phát triển KH và CN ra đời sẽ tạo điều kiện huy động các nguồn vốn trong và

ngoài nước, các nguồn vốn ngoài ngân sách, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến tặng của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế và các nguồn vốn khác.

Quỹ phát triển KH và CN quốc gia đã chính thức ra mắt (tháng 2/2008). Chính phủ cần sớm ban hành các quy chế thành lập các quỹ phát triển KH và CN ở các địa phương và cơ chế hoạt động, sử dụng quỹ vào mục đích phát triển KH và CN nói chung và trong nông nghiệp nói riêng.

Cần nghiên cứu thành lập và đưa vào hoạt động quỹ đầu tư mạo hiểm cho các hoạt động KH và CN nói chung và trong nông nghiệp nói riêng, nhất là đầu tư cho những lĩnh vực nghiên cứu cơ bản trong sinh học phục vụ nông nghiệp.

Do tính đặc thù của hoạt động khoa học nói chung và nông nghiệp nói riêng có tính rủi ro cao, nên việc thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm cần được quan tâm. Đây là vấn đề mới, nên cần có sự nghiên cứu và thử nghiệm một cách thận trọng. Để thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm cần có sự trợ giúp ban đầu của Nhà nước. Khi việc đầu tư mạo hiểm đã mang lại hiệu quả thì các tổ chức đầu tư mạo hiểm sẽ tự giác hình thành và sẽ trở thành một kênh đầu tư tích cực cho phát triển KH và CN, đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao các kết quả nghiên cứu phù hợp nhu cầu xã hội (sản phẩm KH và CN thực sự là hàng hóa có năng lực cạnh tranh trên thị trường)

**Thứ hai, Đổi mới tổ chức và**

*hoạt động đối với các tổ chức KH và CN trong việc nghiên cứu và phát triển CN phục vụ nông nghiệp (đối với các tổ chức KH và CN của Nhà nước).*

Nội dung cơ bản về đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý các tổ chức KH và CN đã được thể hiện đầy đủ trong NĐ115/2005/NĐ-CP. Theo NĐ115/2005/NĐ-CP, các tổ chức KH và CN có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong nghiên cứu và phát triển CN, trong thương mại hoá kết quả nghiên cứu. Để đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý đối với các tổ chức KH và CN trong nông nghiệp cần tập trung vào các vấn đề sau:.

+ Nhà nước (trực tiếp là Bộ NN & PTNT) cần tăng cường chỉ đạo và kiểm tra chặt chẽ các viện trực thuộc Bộ trong quá trình chuyển đổi các viện sang hình thức doanh nghiệp KH và CN hoặc tổ chức KH và CN tự trang trải kinh phí, như xây dựng đề án chuyển đổi, việc cấp kinh phí hoạt động trong thời gian chuẩn bị chuyển đổi tổ chức và hoạt động, giải quyết lao động dôi dư...

+ Tăng cường quan hệ liên kết trong hoạt động nghiên cứu và chuyển giao CN.

Quan hệ liên kết trong nghiên cứu và phát triển CN phải gắn được các tổ chức KH và CN với các tổng công ty (công ty) theo ngành và với các doanh nghiệp, hộ gia đình, các trang trại. Các tổng công ty (công ty) theo ngành vừa là người đặt hàng cho các tổ chức KH và CN, vừa giúp

các tổ chức KH và CN chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất (vào các hộ gia đình nông dân). Đồng thời, các tổng công ty (công ty) theo ngành còn có thể đứng ra bảo lãnh cho các cơ sở sản xuất vay vốn đầu tư ứng dụng KH và CN và làm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Nhà nước với tư cách là nhà quản lý, cần tạo điều kiện và giúp đỡ các tổ chức tham gia liên kết trong hoạt động nghiên cứu và chuyển giao CN, trong việc xây dựng quy chế hợp đồng (hợp đồng nghiên cứu, hợp đồng chuyển giao) và giải quyết các mâu thuẫn về quan hệ lợi ích giữa các thành viên, trong đó, đặc biệt là lợi ích của các nhà KH và lợi ích của nông dân.

**Thứ ba, Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức KH và CN trong nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu.**

Quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH và CN về dịch vụ, tài chính, tài sản, tổ chức và biên chế, các chính sách ưu đãi đã được NĐ115/NĐ-CP quy định rõ.

Tuy nhiên, để các tổ chức KH và CN thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu (kết quả nghiên cứu phải được sử dụng) cần quan tâm giải quyết các vấn đề như đấu thầu thực hiện nhiệm vụ KH và CN, quy chế đánh giá, nghiệm thu đề tài, cơ chế cấp phát vốn (đề tài sử dụng vốn NSNN)...

+ Về đấu thầu thực hiện nhiệm vụ KH và CN:

Năm 2006 Bộ NN & PTNT có tất cả 80 đề tài nghiên cứu KH thì Bộ yêu cầu đưa 38 đề tài ra đấu thầu. Đến 31/12/2005 hạn cuối cùng nộp hồ sơ, thì hội đồng thẩm định nhận được 73 hồ sơ dự tuyển đấu thầu 35 đề tài, còn 3 đề tài về quản lý kinh tế không có đơn vị nào nộp hồ sơ dự thầu. Qua đánh giá sơ bộ các hồ sơ dự thầu cho thấy, nhiều đơn vị viết đề án sơ sài và vẫn còn tư tưởng ỷ lại Nhà nước (cứ làm rồi chỗ nào thiếu, vướng mắc sẽ sửa lại), có đơn vị nghiên cứu rất có uy tín nhưng không trúng thầu, số đơn vị tham gia đấu thầu còn ít (bình quân 1 đề tài có 2 đơn vị dự thầu). Qua năm đầu tiên thực hiện đấu thầu cho thấy có đấu thầu mới có cạnh tranh và mới chọn được đơn vị có năng lực trong nghiên cứu. Tuy nhiên, vì mới tổ chức nên tính chuyên nghiệp chưa cao, còn có những vướng mắc về cơ chế tài chính (đơn vị ngoài Bộ trúng thầu nhưng kinh phí Nhà nước phân bổ cho Bộ NN & PTNT), vấn đề thông báo mời thầu làm cho một số đơn vị muốn dự thầu nhưng không biết thông báo hoặc biết quá muộn.

Vì vậy, để đấu thầu đề tài nghiên cứu KH, cần cụ thể hoá luật đấu thầu cho phù hợp với đặc thù của hoạt động nghiên cứu KH trong nông nghiệp.

Đối với hoạt động nghiên cứu KH phục vụ nông nghiệp, một đề tài KH đưa ra, chẳng hạn nghiên cứu tạo ra một giống mới (giống

lúa, giống ngô, chè...) thì việc xây dựng đề án để nghiên cứu, việc xác định kinh phí để nghiên cứu và quá trình thực hiện (nghiên cứu) cũng rất khác với thiết kế và thi công một công trình xây dựng. Một đề tài nghiên cứu KH đối với các đơn vị nghiên cứu (trúng thầu) hay đối với cơ quan mời thầu (ở đây là Bộ NN & PTNT) cũng rất khó xác định chắc chắn kết quả nghiên cứu. Hay nói cách khác tính rủi ro trong hoạt động nghiên cứu KH, nhất là KH phục vụ nông nghiệp cao.

Đấu thầu nghiên cứu KH là lĩnh vực mới, có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng các đề tài nghiên cứu, chống thất thoát, lãng phí trong nghiên cứu KH. Tuy nhiên, để đấu thầu nghiên cứu KH có thể diễn ra hàng năm, mang lại ý nghĩa thiết thực, nhất là tạo động lực phát huy mạnh mẽ tính năng động, sáng tạo của các nhà KH, Bộ NN & PTNT cần có tổng kết rút kinh nghiệm những đợt đấu thầu vừa qua để soạn thảo quy chế đấu thầu phù hợp với hoạt động nghiên cứu KH. Vấn đề có tính nguyên tắc trong hoạt động đấu thầu là đề tài nghiên cứu đó phải có kết quả và kết quả đó phải được cơ quan mời thầu nghiệm thu đánh giá và được sử dụng vào thực tế sản xuất (được người sản xuất ứng dụng đạt hiệu quả mong muốn). Đó là điều khoản ràng buộc quan trọng nhất trong tổ chức đấu thầu đề tài nghiên cứu KH.

Đối với các đề tài được cơ

quan nhà nước giao, đặt hàng trực tiếp hoặc thông qua tuyển chọn cũng phải có sự ràng buộc như đối với đề tài qua đấu thầu. Mục tiêu chung là các đề tài sử dụng kinh phí từ NSNN dù các cơ sở nghiên cứu nhận được bằng cách nào thì sau khi nghiên cứu xong được nghiệm thu, đề tài đó phải được ứng dụng vào thực tế (phải mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực) chứ không phải đánh giá, nghiệm thu xong là bỏ vào tủ lưu trữ.

- Ngoài những hình thức như đấu thầu, đặt hàng trực tiếp hoặc thông qua tuyển chọn, Nhà nước có thể thực hiện cơ chế mua lại các kết quả nghiên cứu của các nhà KH, các tổ chức KH và CN, từ đó đầu tư triển khai vào thực tế sản xuất (đối với những đề tài phục vụ cho yêu cầu của Nhà nước, có ý nghĩa quan trọng về KT, XH). Thực hiện hình thức này có tác dụng kích thích các nhà KH, các tổ chức KH và CN phát huy khả năng sáng tạo để tạo ra những sản phẩm KH và CN đáp ứng yêu cầu xã hội, thúc đẩy quan hệ mua bán, trao đổi CN.

+ Về cấp kinh phí cho nghiên cứu đề tài (các đề tài mà các cơ sở nghiên cứu nhận được thông qua các hình thức trên)

Cách cấp kinh phí phổ biến từ trước đến nay là sau khi các cơ sở nghiên cứu, các cá nhân được giao đề tài (qua các hình thức trên) thì cơ quan tài chính cho tạm ứng (tùy thời hạn thực hiện đề tài mà quy định số lần tạm ứng), sau khi hoàn thành đề tài

thì các chủ đề tài được quyết toán toàn bộ kinh phí. Tuy nhiên, mỗi lần tạm ứng đều kèm theo sản phẩm theo tiến độ nghiên cứu đã vạch ra nhưng cách cấp kinh phí như vậy rủi ro sẽ cao (đề tài nghiên cứu xong chưa chắc đã sử dụng được hoặc có thể bị các cơ sở nghiên cứu bỏ dở không nghiên cứu). Vì vậy, Bộ Tài chính cùng với Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phát triển Việt Nam nghiên cứu ban hành quy chế về tạm ứng, cấp kinh phí cho phù hợp để hạn chế rủi ro. Có thể chuyển từ cơ chế cấp tạm ứng kinh phí sang cho vay theo lãi suất ưu đãi (vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam). Các cơ sở nghiên cứu sẽ được cấp vốn sau khi đề tài được nghiệm thu và ứng dụng. Cơ chế này sẽ đề cao trách nhiệm của các cơ sở nghiên cứu và giảm thiểu rủi ro cho Nhà nước. Các tổ chức KH và CN khi chuyển sang mô hình doanh nghiệp KH và CN hoặc tổ chức KH và CN tự trang trải kinh phí thì phải tuân thủ các nguyên tắc của kinh tế thị trường, của luật pháp nhất là luật doanh nghiệp. Điểm khác biệt giữa doanh nghiệp sản xuất kinh doanh với doanh nghiệp KH và CN là được Nhà nước ưu đãi về đầu tư (nếu nghiên cứu các đề tài do Nhà nước đặt hàng) và ưu đãi về thuế, tín dụng. Khi các tổ chức KH và CN buộc phải chuyển sang mô hình doanh nghiệp KH và CN (theo ND 115/2005ND-CP) thì phải tuân thủ các nguyên tắc của kinh tế thị trường là sản phẩm sản xuất ra phải được thị trường chấp nhận. Nhà nước không thể

bỏ tiền ra để nhận về một đề tài không có giá trị (không được các cơ sở sản xuất nông nghiệp chấp nhận)

**Thứ tư, Cần có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế (ngoài các tổ chức KH và CN Nhà nước) tham gia nghiên cứu, cải tiến công nghệ.**

Hiện nay, ngoài nghiên cứu, sản xuất của các tổ chức KH và CN của Nhà nước, trong nông nghiệp nước ta còn có các thành phần kinh tế khác tham gia nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ KH và CN vào nông nghiệp như các doanh nghiệp, các cá nhân, trong đó có nông dân và những người sinh sống ở nông thôn.

Để khuyến khích nông dân và các tư nhân tham gia nghiên cứu, cải tiến tạo ra sản phẩm KH và CN phù hợp điều kiện sản xuất cụ thể của từng vùng cần quan tâm các vấn đề sau:

- Cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng với nông dân ở từng vùng, địa phương để xác định nhu cầu về các sản phẩm KH và CN (xác định xem nông dân ở từng vùng, địa phương cần sản phẩm KH và CN gì, các sản phẩm mà Nhà nước nhập khẩu hoặc các cơ sở nghiên cứu tạo ra đã phù hợp chưa). Thông qua quan hệ liên kết để các nhà khoa học cùng với nông dân, nhất là những nông dân, những người sống ở các vùng nông thôn có khả năng nghiên cứu, cải tiến, phối hợp nghiên cứu. Nghĩa là có sự trợ

giúp của các nhà khoa học từ xây dựng ý tưởng nghiên cứu, cải tiến đến thực hiện quá trình nghiên cứu và thử nghiệm. Cách làm này sẽ giúp những người có ý tưởng nghiên cứu, cải tiến, tránh được sai lầm trong đầu tư và giúp các nhà khoa học ở các viện, trường có điều kiện tiếp xúc với thực tiễn, nắm bắt được nhu cầu thực tiễn.

- Các ban ngành, đặc biệt là Sở khoa học và công nghệ, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn ở các tỉnh chỉ đạo các huyện trong việc giúp những nông dân có ý tưởng nghiên cứu, cải tiến xây dựng dự án nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất khi thành công.

- Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho những người nông dân thực hiện dự án nghiên cứu, cải tiến như: cho vay vốn theo lãi suất ưu đãi hoặc hỗ trợ một phần vốn từ quỹ phát triển KH và CN.

- Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho những người nông dân có các sản phẩm KH và CN do họ nghiên cứu, cải tiến được đăng ký quyền sở hữu trí tuệ một cách thuận lợi với chi phí thấp nhất có thể. Nhà nước cần có văn bản quy định và kiểm tra việc thực hiện các quy định về thủ tục xin cấp giấy chứng nhận và quy định mức lệ phí hợp lý làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

- Có chính sách ưu đãi với những người sau khi nghiên cứu, cải tiến thành công thành lập doanh nghiệp, trong đó cần quan tâm giúp họ có điều kiện vay vốn thuận lợi, có chính sách ưu đãi về

(Xem tiếp trang 37)

phương pháp là đủ. Trong khi đó với chức năng thứ ba hoà giải, dàn xếp hoặc thỏa thuận thì đòi hỏi việc khách quan hóa rất cao vì giá trị định giá liên quan đến rất nhiều đối tượng, được công khai do vậy, thông thường đòi hỏi các tổ chức định giá phải thực hiện bằng nhiều phương pháp khác nhau để đảm bảo tính khách quan.

Trong tình huống được đặt ra

của Quỹ đầu tư mua công ty A, vai trò thẩm định viên là tư vấn mục đích sử dụng nội bộ vì vậy không nhất thiết phải bắt cứ các yếu tố, thông tin nào cũng phải tiến hành khách quan hoá. Nhưng cũng có thể khách quan hoá nếu được yêu cầu bởi khách hàng của chúng ta. Ví dụ khi ước tính doanh thu khách hàng của công ty thẩm định viên có thể ước tính chủ quan tức là dựa vào

báo cáo về doanh số do công ty cung cấp, không nhất thiết phải tiến hành kiểm tra doanh số đó có hợp lý không, so sánh với thị trường, với đối thủ của công ty để kiểm tra tính chính xác thông tin chúng ta có. Tất nhiên nếu khách hàng muốn tiến hành quá trình khách quan hoá thì thẩm định viên phải nghiên cứu thêm nhiều thông tin phải tăng thêm chi phí cho quá trình định giá./.

## Giải pháp hỗ trợ các tổ chức khoa học... (Tiếp theo trang 28)

thuế theo tinh thần khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Giúp nông dân trong việc giới thiệu, quảng bá sản phẩm KH và CN do họ tạo ra trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc qua các hội chợ, triển lãm ở từng vùng, địa phương hoặc toàn quốc.

Ngoài ra, cần có cơ chế khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, cải tiến để tạo ra nhiều sản phẩm KH và CN cho nông

nh nghiệp nhất là các công ty (doanh nghiệp) hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp, như công ty mía đường, chè, cà phê,... Về lâu dài các tổng công ty (công ty) theo ngành sẽ cổ phần hoá và trở thành những tổ chức kinh tế mạnh có vị thế và tiềm lực trong sản xuất kinh doanh. Vì vậy, về cơ chế chính sách có liên quan đến hoạt động KH và CN cần tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp tự đầu tư nghiên cứu và đổi mới công nghệ, thực hiện liên kết với

các tổ chức KH và CN để nghiên cứu KH phục vụ sản xuất kinh doanh của chính doanh nghiệp. Khi các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu KH và CN phục vụ nông nghiệp sẽ tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các tổ chức KH/CN, tạo ra nhiều sản phẩm KH và CN hữu ích cho nền kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng./.